

Số: 41 /2015/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý các
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2013/TT-BKHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý dự án Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 72/TTr - SKHCN ngày 7 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 19/2/2009 của UBND tỉnh, về việc Ban hành quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 30/8/2011 của UBND tỉnh, về việc hủy

bỏ một số nội dung quy định tại Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND và Quyết số 10/2013/QĐ-UBND ngày 4/2/2013 của UBND tỉnh, về việc sửa đổi khoản 1, Điều 11 quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND, ngày 19/02/2009 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định kể từ ngày 10/11/2015./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ KH&CN);
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c)
- Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk (để đưa tin);
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T-100b)

y

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Ninh

QUY CHẾ

Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND,
ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện và quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh (Đề tài khoa học xã hội và nhân văn, Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, Dự án sản xuất thử nghiệm và dự án khoa học và công nghệ, đề án khoa học công nghệ, Chương trình khoa học và công nghệ...) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH&CN của tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nhiệm vụ KH&CN*: là những vấn đề KH&CN cần được giải quyết, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ, được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án, đề án và chương trình KH&CN.

2. *Đề tài khoa học và công nghệ*: là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm. Đề tài có thể độc lập hoặc thuộc chương trình KH&CN.

3. *Đề án khoa học*: là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

4. *Dự án sản xuất thử nghiệm*: là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống. Dự án SXTN có thể độc lập hoặc thuộc chương trình

KH&CN.

5. *Dự án khoa học và công nghệ*: là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư khoa học và công nghệ có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

6. *Chương trình khoa học và công nghệ*: là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ của tỉnh.

7. *Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh*: là Đề tài, dự án SXTN, đề án, Chương trình và dự án Khoa học công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thực hiện, có mức đầu tư kinh phí lớn để tập trung giải quyết những vấn đề có tính liên ngành đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, quy mô lớn, các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh.

Điều 3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN không quá 36 tháng kể từ khi ký hợp đồng thực hiện. Trường hợp cần thiết có thể kéo dài hơn, nhưng tối đa không quá 60 tháng.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm tính công khai, dân chủ và khách quan. Thông báo tuyển chọn và kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành. Thông tin chi tiết được đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bảo đảm tính tập trung, toàn diện và thống nhất; Có sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ...

3. Mỗi nhiệm vụ KH&CN chỉ có duy nhất 01 (một) tổ chức chủ trì và 01 (một) cá nhân chủ trì thực hiện. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện đề tài, dự án giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ KH&CN.

4. Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN và báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ KH&CN được bảo vệ tối đa 02 (hai) lần.

Nếu sau 02 (hai) lần bảo vệ hồ sơ nhiệm vụ không đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì khác thực hiện nhiệm vụ KH&CN này.

5. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phải thực hiện theo hình thức đề xuất và đặt hàng.

Điều 5. Hội đồng tư vấn KH&CN

1. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh uỷ quyền Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập các Hội đồng KH&CN (sau đây gọi tắt là Hội đồng) cấp tỉnh.

Hội đồng được thành lập theo từng nhiệm vụ KH&CN và tương ứng với từng nội dung như sau:

- a) Tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN.
- b) Mở hồ sơ nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn.
- c) Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn.
- d) Xét duyệt nhiệm vụ KH&CN.
- e) Đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Nguyên tắc làm việc và trách nhiệm của hội đồng thực hiện theo quy định tại các Điều 33 và 35 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ KH&CN và các văn bản liên quan.

Điều 6. Quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh gồm kinh phí thực hiện các nội dung và kinh phí quản lý các nhiệm vụ cấp tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện nội dung của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh gồm kinh phí được hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ, các nguồn hợp pháp khác. Nguồn kinh phí này được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để giao cho tổ chức chủ trì chi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo tiến độ của hợp đồng.

Khuyến khích tổ chức và cá nhân tham gia các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

4. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được quy định cụ thể trong hợp đồng KH&CN.

Chương II

TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 7. Xác định nhiệm vụ, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh về trình tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Hàng năm, việc xác định các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thông qua các Hội đồng tư vấn chuyên môn. Kết quả các hội đồng tư vấn làm cơ sở để Sở KH&CN xem xét, tổng hợp, báo cáo Hội đồng KH&CN tỉnh thảo luận, thống nhất thông qua, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Ủy ban Nhân dân tỉnh uỷ quyền Sở KH&CN ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ.

2. Việc ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuân theo quy định tại Điều 27 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Mẫu hợp đồng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10/4/2014 ban hành “Mẫu Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

Điều 9. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng (trước 31/5 và 15/11 hàng năm) hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản lưu hồ sơ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 (hai) lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan đặt hàng, tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ cấp tỉnh theo hợp đồng đã ký.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng

kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Sở KH&CN xem xét, quyết định điều chỉnh các nội dung thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở KH&CN quyết định điều chỉnh nội dung; thay chủ nhiệm nhiệm vụ; tổng mức kinh phí; thời gian thực hiện cho phù hợp hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN và một số nội dung khác theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015.

3. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ được thực hiện 01 lần không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng và không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở KH&CN quyết định.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

5. Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

Điều 11. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Việc đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá nghiệm thu, công nhận các kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức, cá nhân tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương xem xét đánh giá, nghiệm thu. Kinh phí tổ chức các hội đồng do đơn vị đề nghị chi trả theo quy định.

4. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước nhưng có phạm vi ứng dụng rộng rãi trong tỉnh hoặc có ảnh hưởng đến lợi ích của tỉnh, quốc phòng - an ninh, môi trường, sức khỏe và đời sống của nhân dân cũng phải được Sở KH&CN tổ chức thẩm định trước khi ứng dụng

Điều 12. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Việc đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ thực hiện đối với các nhiệm vụ khoa học đã được Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh đánh giá, nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên”.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký, lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền tại địa phương sau khi có văn bản thẩm định kết quả của cơ quan nhà nước quản lý về KH&CN.

4. Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có trách nhiệm đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Sở KH&CN đã được công nhận chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được công nhận.

Điều 13. Công bố, sử dụng và chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN, cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức triển khai ứng dụng kết quả trong thực tiễn sau khi được đánh giá, nghiệm thu, hoặc bàn giao cho cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao trách nhiệm tiếp nhận để tổ chức ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trường hợp cơ quan đề xuất đặt hàng không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có báo cáo hàng năm (trước 15/11 hàng năm) đến Sở KH&CN về tình hình ứng dụng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở KH&CN có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản các văn bản, tài liệu, hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN; Công bố danh mục kết quả các nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu trên Website của Sở; Đơn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN trong thực tiễn.

Điều 14. Quyền sở hữu, quyền tác giả đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có quyền sở hữu, chuyển giao kết quả KH&CN đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước, nếu không có thoả thuận khác trong hợp đồng KH&CN.

2. Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN là tác giả của nhiệm vụ đó, nếu không có thoả thuận khác trong hợp đồng KH&CN.

3. Các quyền sở hữu, quyền tác giả ngoài các nội dung trên thực hiện theo Điều 39, 40, 41, 42 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 15. Khen thưởng

1. Đối với các tổ chức, cá nhân hoàn thành nhiệm vụ KH&CN đúng thời hạn, tạo nên những kết quả KH&CN xuất sắc, cán bộ, công chức quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt hiệu quả sẽ được đề nghị các cấp có thẩm quyền xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

2. Đối với các kết quả KH&CN tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sẽ được đề nghị UBND tỉnh khen thưởng và xem xét hỗ trợ kinh phí để tổ chức, cá nhân nhân rộng từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh.

Điều 16. Khiếu nại và tố cáo

Việc khiếu nại, tố cáo vi phạm Quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại và Luật tố cáo.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị xử lý kỷ luật trong các trường hợp sau: Kết quả đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” và không được chấp nhận gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả; Nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị các cơ quan quản lý có thẩm quyền đình chỉ trong quá trình thực hiện do vi phạm các nguyên tắc quản lý; Vi phạm nguyên tắc quản lý về tài chính; sử dụng hồ sơ, tài liệu, số liệu không trung thực; Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi đối với dự án theo hợp đồng; nộp hồ sơ đánh giá không đúng thời gian đã quy định.

2. Các hình thức xử lý kỷ luật đối với chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành kết quả đánh giá nghiệm thu ở mức không đạt: Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền tùy theo nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan dẫn đến việc các nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành đề ra quyết định xử lý cụ thể như sau:

a) Trường hợp vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý về tài chính đối với kinh phí của nhiệm vụ KH&CN (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền) hoặc phát hiện hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực kết quả đánh giá mức “Đạt” sẽ bị hủy bỏ và xử lý theo mức “Không đạt” và không được làm chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trong thời hạn 2 năm.

b) Trường hợp không thực hiện việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN sẽ không được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định.

c) Nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí của đề tài, dự án đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

d) Đối với phần kinh phí của ngân sách nhà nước đã sử dụng, được xử lý như sau:

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan, phải quy rõ trách nhiệm của từng cá nhân để thu hồi tối đa kinh phí cho ngân sách nhà nước. Tổng mức thu hồi tối thiểu không thấp hơn 30% kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng cho các nhiệm vụ KH&CN.

- Trường hợp do nguyên nhân khách quan: Tổng mức thu hồi tối đa không

quá 20% kinh phí ngân sách nhà nước cấp đã sử dụng cho nhiệm vụ KH&CN.

- Mức thu hồi cụ thể do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN xem xét quyết định. Nguồn kinh phí nộp trả ngân sách nhà nước: 50% do Chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm nộp trả; 50% từ các Quỹ và các nguồn kinh phí tự có khác của tổ chức chủ trì.

3. Công chức, viên chức của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN và cơ quan quản lý KH&CN nếu vi phạm thì ngoài việc bị xử lý theo Luật Cán bộ công chức, còn phải bị xử lý theo quy định của pháp Luật khoa học và công nghệ.

4. Thành viên hội đồng đánh giá vi phạm quy định đánh giá thì bị xử phạt theo các quy định pháp luật của nhà nước về xử phạt hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và không được mời tham gia hội đồng đánh giá trong thời hạn 1 năm kể từ khi có quyết định xử phạt.

5. Trường hợp phát hiện hội đồng vi phạm quy định đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ có thể yêu cầu hội đồng sửa đổi, bổ sung, đánh giá lại hoặc thành lập hội đồng mới để bảo đảm việc đánh giá được thực hiện khách quan, chính xác, đúng quy định.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở KH&CN

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định các nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

2. Chủ trì thẩm định kinh phí, trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí của nhiệm vụ; chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

3. Chủ trì kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này;

4. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN; công nhận kết quả nghiệm thu, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng;

5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật KH&CN và các văn bản liên quan.

Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và gửi về Sở KH&CN;

2. Phối hợp với Sở KH&CN trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN;

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp hội đồng tư vấn KH&CN theo đề xuất của Sở KH&CN;

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý;

5. Tổ chức tuyển chọn và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu theo quy định... tại khoản 1, Điều 13 Quy định này.

Điều 20. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh và theo hợp đồng đã ký kết với Sở KH&CN;

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của Bộ KH&CN. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản với Sở KH&CN;

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với đơn vị quản lý; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ;

4. Trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký;

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành;

7. Kiểm tra, đôn đốc chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện các nội dung công việc theo hợp đồng. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở KH&CN theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ;

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành;

9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật KH&CN và các văn bản liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh;

2. Ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ;
3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ;
4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết;
5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý. Chủ trì, xây dựng báo cáo tổng kết KH&CN;
6. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;
7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật KH&CN và các văn bản liên quan.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Vận dụng Quy chế

Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thuộc các Sở, Ban, ngành ở tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố vận dụng Quy chế này để xây dựng và ban hành các Quy định về quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này, thông báo tóm tắt quy chế này trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

